

Đầu nối ren khí dạng L

QSL-V0-1/2-12

Số bộ phận: 160521



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	Tiêu chuẩn
Chiều rộng định mức	10.3 mm
Kiểm tra độ cháy vật liệu	UL94 V-0 (Vỏ) UL94 V-0 (Vòng nhả)
Loại đệm kín trên ngông vận vít	Lớp bọc
Thiết kế	Hình chữ L
Kích cỡ gói	1
Cấu trúc xây dựng	Nguyên tắc đẩy-kéo
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.095 MPA...1 MPA -0.95 bar...10 bar -13.775 psi...145 psi
Lưu ý về áp suất vận hành	Nước: tối đa 0,6 MPA ở tối đa 50 °C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-] Nước (chất lỏng, không có đá)
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...60 °C
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	26 N m
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 20 %
trọng lượng sản phẩm	64 g
Kiểu gắn	Ổ cắm lục giác ngoài SW21
Cổng nối khí nén 1	Ren ngoài R1/2
Cổng nối khí nén 2	đối với ống mềm Ø ngoài 12 mm
Màu vòng nhả	màu đen
Vật liệu ngông vận vít	Đồng thau mạ niken
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PBT
Vật liệu vòng nhả	PBT
Vật liệu vòng đệm kín ống mềm	NBR
Đoạn kẹp ống vật liệu	thép không gỉ hợp kim cao Đồng thau